TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST Ngày 25-11 - 2019 V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Thủy, bà Lương Thị Tý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lã Thu Quỳnh - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Sùng Thị Th, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh LC. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Vàng A S, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh LC. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh LC(Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sùng Thị Th trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Sùng Thị Th và anh Vàng A S tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau từ năm 2011 đến ngày 20/8/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện M, tỉnh YB. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại Bản H, xã M, huyện T, tỉnh LC. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 25/01/2018 thì anh Vàng A S nghe theo bạn bè rủ rê dẫn đến vi

phạm pháp luật bị Tòa án xét xử và bị xử phạt mức án tử hình về tội " Vận chuyển trái phép chất ma túy". Thời gian vừa qua, chị có vào thăm và động viên anh Sinh, nhưng đến thời điểm này, chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết cho ly hôn với anh Vàng A S.

- *Về nuôi con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị Sùng Thị Th và anh Vàng A S có một con chung chưa thành niên là cháu Vàng Yến Nh, sinh ngày 07/01/2012, hiện đang sống cùng với chị Th. Ly hôn, chị Th có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Vàng Yến Nh cho đến khi cháu Nh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Th không yêu cầu anh Sinh cấp dưỡng nuôi con chung do anh Sinh đang chấp hành án.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Th và anh Sinh thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Th đã nộp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 20 tháng 8 năm 2015 mang tên anh Vàng A S, chị Sùng Thị Th; Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Vàng A S; Giấy khai sinh của con chung Vàng Yến Nh, sinh ngày 07/01/2012; Chứng minh nhân dân mang tên Vàng A S; Chứng minh nhân dân mang tên Sùng Thị Th; Bản án số 147/2019/HSPT ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội , việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vàng A S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Thời gian sống chung và đăng ký kết hôn như chị Sùng Thị Th trình bày là đúng. Sau khi cưới anh S và chị Th cùng nhau xuống Hà Nội để sinh sống vì chị Th đang theo học tại trường Đại học Thủy Lợi tại Hà Nội còn anh S đi làm thuê nuôi vợ con ăn học. Sau khi chị Th học xong ra trường anh S và chị Th cùng nhau về Bản H, xã M, huyện T, tỉnh LC làm ăn sinh sống. Trong quá trình chung sống anh S và chị Th không phát sinh mâu thuẫn gì. Tuy Nhên đến ngày 25/01/2018 anh S nghe bạn bè rủ rê dẫn đến vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử và bị xử phạt mức án tử hình về tội " Vận chuyển trái phép chất ma túy". Nay chị Th khởi kiện xin ly hôn với anh S thì xét thấy tình cảm của anh S với chị Th vẫn còn anh đã nhận Thc được lỗi lầm của mình, anh còn thương vợ và thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị Th.

Do anh S hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh LC nên không có điều kiện tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án vì vậy anh S đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về nuôi con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị Sùng Thị Th và anh Vàng A S có một con chung chưa thành niên là cháu Vàng Yến Nh, sinh ngày 07/01/2012, hiện đang sống cùng với chị Th. Nếu phải ly hôn thì anh Sinh có đề

nghị được nuôi dưỡng cháu Nh cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Th và anh S thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi xem xét đơn và tiến hành thụ lý vụ án hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thực hiện đầy đủ các quy định tố tụng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 22/11/2019, anh Vàng A S có đơn xin xét xử vắng mặt do hiện nay bản thân anh đang bị tạm giam, không thể tham gia tố tụng và xét xử công khai tại Tòa án. Anh đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của chị Th đối với anh.

Tại phiên tòa, chị Sùng Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Vàng A S.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Than Uyên thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Sùng Thị Th ly hôn với anh Vàng A S.

Về con chung: Giao cho chị Sùng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Vàng Yến Nh, sinh ngày 07/01/2012 cho đến khi cháu Nh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Vàng A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Sùng Thị Th và anh Vàng A S tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn anh Vàng A S có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vàng A S.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 – BLTTDS, hơn nữa anh Vàng A S có hộ khẩu thường trú tại Bản H, xã M, huyện T, tỉnh LC. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, Lai Châu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 – BLTTDS.

[3]. Về nội dung vụ án

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, giấy đăng ký kết hôn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Sùng Thị Th và anh Vàng A S sống chung từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2015 tại UBND xã P, huyện M, tỉnh YB trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S là hôn nhân hợp pháp. Chị Th và anh S đều công nhận thời điểm trước khi anh S vi phạm pháp luật đều không xảy ra mâu thuẫn gì. Mâu thuẫn chính dẫn đến chị Th có đề nghị ly hôn anh S là từ việc anh vi phạm pháp luật và phải chịu mức án cao (tử hình). Xét đến không có tương lai, cuộc sống vợ chồng không thể duy trì, nó chỉ được duy trì vun đắp trên cơ sở tình cảm, quan tâm chia sẻ, yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị Th cũng như bao người phụ nữ khác tuổi đời còn trẻ cũng cần có sự chia sẻ gánh vác khó khăn, vui buồn trong cuộc sống. Mặc dù, anh S xác định anh vẫn còn yêu vợ, thương con nhưng anh S không còn điều kiện để thực hiện điều đó, những quy định về tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 – Luật hôn nhân và gia đình 2014. Vợ chồng anh chị cũng không còn chung sống từ khi anh vi phạm pháp luật cho đến nay, chị Th vẫn thường xuyên đi thăm nuôi, động viên anh Sinh, nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn anh S. Từ những nhận đinh trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa anh S, chị Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 – Luật hôn nhân gia đình 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Th và anh S có một con chung chưa thành niên là cháu Vàng Yến Nh, sinh ngày 07/01/2012. Trong thời gian chị Th và anh S không sống chung thì cháu Nh ở cùng với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của chị để chị Th được quyền nuôi dưỡng cháu Nh, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- ***Về tài sản và công nợ chung*:** Do chị Th và anh S đều có nguyện vọng tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- ***Về án phí:*** Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn chị Sùng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Chị Sùng Thị Th và anh Vàng A S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 203, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 19, Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Sùng Thị Th ly hôn với anh Vàng A S.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cho chị Sùng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Vàng Yến Nh, sinh ngày 07/01/2012 cho đến khi cháu Nh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vàng A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th không có yêu cầu.

Anh Sinh có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Th. Chị Th có quyền yêu cầu anh Sinh cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Sinh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Chị Th và anh Sinh tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:*

Nguyên đơn chị Sùng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Xác nhận chị Sùng Thị Th đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2010/0004175 ngày 28/6/2019 nay chuyển thành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện M, tỉnh YB;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Thị Mỹ Hằng